

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÚ Y NĂM 2021 CỦA CỤC THÚ Y

(Trích báo cáo công tác thú y năm 2021 và kế hoạch công tác năm 2022 của Cục Thú y)

I. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành trong phòng, chống dịch bệnh

- Tổ chức xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ các văn bản đặc biệt quan trọng gồm: Công điện số 163/CP-TTg ngày 08/02/2021 về phòng, chống Cúm gia cầm (CGC); Công điện số 631/CP-TTg ngày 17/5/2021 về phòng, chống Viêm da nổi cục (VDNC); Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 08/10/2021 phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò, giai đoạn 2022 - 2030”; Quyết định của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022 - 2030”. Như vậy, đến nay đã có tương đối đầy đủ các Chương trình, Kế hoạch quốc gia phòng, chống các dịch bệnh gia súc, gia cầm nguy hiểm (CGC, Dịch tả lợn châu Phi, Lở mồm long móng, VDNC) là cơ sở quan trọng để thực hiện đến năm 2025 - 2030.

- Căn cứ quy định của Luật Thú y, các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã kịp thời ban hành hơn 20 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai các nhiệm vụ thú y, đặc biệt trong công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

- Tổ chức hơn 20 hội nghị, hội thảo quốc gia để quán triệt, chỉ đạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ thú y; đồng thời thành lập hơn 80 đoàn công tác đến các địa phương trọng điểm để chỉ đạo về phòng, chống dịch bệnh động vật.

1.2. Bệnh dịch tả lợn châu Phi (DTLCP)

1.2.1. Tình hình dịch bệnh

- Từ đầu năm đến nay, cả nước xảy ra 3.029 ổ dịch tại 405 huyện thuộc 59 tỉnh, thành phố. Tổng số lợn tiêu hủy là 279.910 con, chiếm khoảng 0,99% tổng đàn lợn cả nước, tương đương hơn 11.678 tấn.

- Hiện nay, cả nước có 761 ổ dịch tại 212 huyện của 47 tỉnh, thành phố chưa qua 21 ngày.

- So với năm 2020, diện dịch xảy ra rộng hơn với

số ổ dịch tăng 2,2 lần;/ số huyện có dịch tăng 1,3 lần và có tới 95% địa phương (59 tỉnh, thành phố) có báo cáo dịch, số lợn mắc bệnh và bị tiêu hủy tăng hơn 3,6 lần.

1.2.2. Nhận định tình hình dịch

Nguy cơ bệnh DTLCP tái phát và phát sinh là rất cao, do: (i) Đặc điểm của virus DTLCP rất nguy hiểm đối với lợn, có khả năng tồn tại lâu ngoài môi trường, đường lây truyền rất phức tạp; (ii) Hiện chưa có thuốc, vaccin phòng bệnh; (iii) Chăn nuôi nông hộ vẫn chiếm tỷ lệ lớn, chưa đảm bảo các yêu cầu chăn nuôi an toàn sinh học; (iv) Việc buôn bán, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn gia tăng mạnh vào các tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán; (v) Thời tiết đang trong giai đoạn giao mùa, mưa lũ, rét đậm...; (vi) Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, đặc biệt tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội, nên việc quản lý, đăng ký kê khai tái đàn từ cấp xã thực hiện chưa tốt, một bộ phận người chăn nuôi còn chậm báo cáo dịch.

1.2.3. Công tác phòng, chống dịch bệnh

- Các biện pháp phòng, chống bệnh DTLCP được thực hiện theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP giai đoạn 2020 - 2025”; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh DTLCP; các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Ngày 12/8/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 5102/BNNT-TY gửi UBND các tỉnh, thành phố đề nghị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, bệnh DTLCP để có cơ sở tổng hợp, báo cáo, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2254/QĐ-TTg ngày 30/12/2020.

- Ngày 18/11/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Công văn số 7808/BNNT-TY báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình dịch bệnh và công tác hỗ trợ phòng, chống bệnh DTLCP; theo đó đã đề xuất tiếp tục thực hiện Quyết định số 2254/

QĐ-TTg ngày 30/12/2020 và cho phép xây dựng Nghị định mới về cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP 2020 - 2025, bao gồm: (i) Xây dựng và phát sóng trên kênh truyền hình Trung ương VTV 4 phóng sự với các nội dung về xây dựng ATDB; giải pháp kỹ thuật trong phòng, chống bệnh DTLCP; điều tra, xử lý ổ dịch DTLCP tại một số địa phương; (ii) Triển khai Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP ở một số địa phương; (iii) Tuyên truyền trên Đài Tiếng nói Việt Nam VOV với 5 bài phóng vấn/phóng sự, 1 buổi tọa đàm và 5 thông điệp về phòng, chống bệnh DTLCP; (iv) Xây dựng, in và phân bổ 142.000 tờ rơi hướng dẫn phòng, chống bệnh DTLCP tới các cơ quan, đơn vị và người chăn nuôi trong cả nước.

1.3. Bệnh viêm da nổi cục (VDNC)

1.3.1. Tình hình dịch bệnh

- Từ đầu năm 2021 đến nay, cả nước đã xảy ra 4.329 ổ dịch tại 456 huyện 55 tỉnh, thành phố; số gia súc mắc bệnh là 206.953 con trâu, bò (chiếm tỷ lệ 0,02% tổng đàn). Số gia súc bị chết và tiêu hủy là 29.047 con (chiếm tỷ lệ 0,003%).

- Hiện nay, cả nước có 58 ổ dịch tại 27 huyện của 11 tỉnh, thành phố chưa qua 21 ngày; số gia súc mắc bệnh là 4.645 con, số gia súc tiêu hủy là 864 con.

1.3.2. Nhận định tình hình

Nguy cơ dịch bệnh VDNC tiếp tục lây lan nhanh, ở phạm vi rộng là rất cao vì một số lý do: (i) Một số địa phương chưa triển khai quyết liệt, đồng bộ, xử lý dứt điểm và tiêu hủy gia súc khi mới xuất hiện dịch bệnh; (ii) Đường truyền lây đa dạng, phức tạp, khó kiểm soát, đặc biệt lây lan thông qua các véc tơ truyền bệnh (ruồi, muỗi, ve, mòng hút máu, truyền bệnh,...); chăn thả trâu, bò trên các cánh đồng, bãi chăn thả chung còn khá phổ biến; (iii) Nhu cầu vận chuyển, giết mổ trâu, bò gia tăng mạnh vào dịp Tết Nguyên đán; (iv) Thời tiết tiếp tục có nhiều diễn biến cực đoan làm giảm sức đề kháng của vật nuôi, gây ô nhiễm môi trường; (v) Điều kiện các hộ chăn nuôi, nhất là tại các tỉnh miền núi còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn khi áp dụng các biện pháp phòng bệnh; giá trị kinh tế của trâu, bò là khá cao, do đó đã có tình trạng người chăn nuôi ở một số địa phương bán chạy, giết mổ gia súc bệnh.

1.3.3. Công tác phòng chống dịch bệnh VDNC

- Các biện pháp phòng, chống bệnh VDNC được thực hiện theo Công điện số 631/CD-TTg ngày 17/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp kiểm soát phòng, chống bệnh VDNC; Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh VDNC, giai đoạn 2022– 2030”; các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo nhập khẩu khẩn cấp theo quy định 3 loại vacxin với số lượng hơn 11 triệu liều vacxin VDNC, đáp ứng nhu cầu tiêm phòng của các địa phương (đã nhập và cung ứng hơn 8,45 triệu liều; đang còn trong kho của doanh nghiệp 1 triệu liều và dự kiến nhập thêm 450 liều trong quý I/2022). Kết quả sử dụng vacxin VDNC tại nhiều địa phương đã chứng minh giải pháp phòng, chống dịch bệnh VDNC bằng vacxin là hiệu quả nhất, quan trọng nhất (giống như khuyến cáo của OIE, FAO và kinh nghiệm các nước). Chi phí sử dụng vacxin VDNC rất thấp (khoảng 35.000 đồng/liều vacxin), rất hiệu quả so với giá trị của trâu, bò là rất lớn (trung bình trên 15 triệu đồng/con gia súc).

1.4. Bệnh lở mồm long móng (LMLM)

1.4.1. Tình hình dịch bệnh

- Từ đầu năm 2021 đến nay, cả nước đã xảy ra 88 ổ dịch LMLM tại 46 huyện của 18 tỉnh, thành phố; số gia súc mắc bệnh là 3.402 con (chiếm tỷ lệ 0,009% tổng đàn). Số gia súc bị chết và tiêu hủy là 348 con.

- Hiện nay, cả nước có 1 ổ dịch LMLM tại tỉnh Hà Tĩnh chưa qua 21 ngày.

- So với năm 2020; số ổ dịch giảm 2,06 lần, số gia súc mắc bệnh giảm 2,08 lần.

1.4.2. Nhận định tình hình dịch

Nguy cơ dịch bệnh LMLM tái phát và phát sinh là rất cao, do: (i) Virus LMLM tồn tại lâu ngoài môi trường, đặc biệt ở các địa phương có ổ dịch cũ; đường lây truyền bệnh phức tạp và khó kiểm soát; (ii) Chăn nuôi hộ gia đình, nhỏ lẻ, mật độ rất cao, chưa áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, chăn nuôi an toàn sinh học; (iii) Sử dụng gia súc giống không rõ nguồn gốc, chưa tiêm phòng triệt để vacxin phòng bệnh LMLM; (iv) Việc giao thương buôn bán,

vận chuyển gia súc, sản phẩm gia súc tăng mạnh vào các tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán; (v) Thời tiết thay đổi làm giảm sức đề kháng của vật nuôi.

1.4.3. Công tác phòng, chống dịch bệnh

- Tổ chức triển khai phòng, chống bệnh LMLM năm 2021 thuộc “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM, giai đoạn 2021 - 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong năm 2021, các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, cung ứng 45 triệu liều vaccin LMLM; hiện còn trong kho của các doanh nghiệp 15 triệu liều; dự kiến tiếp tục sản xuất, nhập khẩu 12,2 triệu liều trong quý I/2022.

- Từ năm 2019 đến nay, việc sử dụng vaccin có hàm lượng kháng nguyên cao (trên $6PD_{50}$) theo khuyến cáo của OIE, kinh nghiệm của các nước và thực tế tại Việt Nam cho thấy có hiệu quả cao trong phòng, chống dịch bệnh LMLM, cụ thể: Năm 2020, phạm vi dịch đã xảy ra tại 24 tỉnh (giảm 43%), số gia súc mắc bệnh là 7.966 con (giảm 72%), số gia súc chết, tiêu hủy là 279 con (giảm 98%) so với năm 2019. Năm 2021, số ổ dịch giảm 2,06 lần; số gia súc mắc bệnh giảm hơn 2 lần so với năm 2020. Mặt khác, kết quả xét nghiệm cho thấy hàm lượng kháng thể LMLM sau tiêm vaccin $6PD_{50}$ cho kết quả tốt trên trâu, bò và lợn và có khả năng trung hòa với các chủng virus thực địa.

- Ngày 18/8/2021, Cục Thú y đã nộp hồ sơ đề nghị OIE xác nhận Chương trình phòng, chống bệnh LMLM của Việt Nam; ngày 8/9/2021, OIE đã có ý kiến, đồng thời đề nghị họp trực tuyến về một số nội dung trong hồ sơ. Dự kiến OIE sẽ xác nhận vào tháng 5/2022.

- Năm 2021, Cục Thú y đã thực hiện xét nghiệm 762 mẫu huyết thanh trâu, bò giám sát sau tiêm phòng LMLM tại 5 tỉnh nguy cơ cao phía Bắc, 655 mẫu có hiệu giá kháng thể bảo hộ từ 1/32 trở lên (chiếm tỷ lệ 87%), một số địa phương vẫn đang tiếp tục lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng LMLM.

- Gửi 55 mẫu virus LMLM sang các phòng tham chiếu của OIE để phân tích chuyên sâu. Kết quả, các virus LMLM tại Việt Nam thuộc 3 topotype của type O, cụ thể: O/ME-SA/PanAsia; O/SEA/Mya-98 và O/ME-SA/Ind2001e. Trong đó, chủng O/Ind2001e chiếm đa số (không xuất hiện chủng O/Ind2001d

và O/Cathay từ năm 2018 đến nay); kháng nguyên vaccin đang sử dụng tương đồng với các chủng virus LMLM type O thực địa trong những năm gần đây.

- Trong năm 2021, các doanh nghiệp đã sản xuất, cung ứng 45 triệu liều vaccin LMLM; còn trong kho của các doanh nghiệp là 15,5 triệu liều; dự kiến sản xuất, nhập khẩu quý I/2022 là 12 triệu liều, bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu cho công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh LMLM, giai đoạn 2021 - 2025, trong năm 2021, Cục Thú y đã tiến hành xây dựng, in ấn và phân bổ 95.000 tờ rơi và 8.000 quyển sổ tay phòng, chống bệnh LMLM tới các cơ quan, đơn vị và người chăn nuôi trong cả nước.

1.5. Bệnh cúm gia cầm (CGC)

1.5.1. Tình hình dịch bệnh

- Từ đầu năm đến nay, cả nước đã xảy ra 117 ổ dịch CGC tại 80 huyện của 32 tỉnh, thành phố (bao gồm: 9 ổ dịch do virus A/H5N1 tại 6 tỉnh, thành phố; 83 ổ dịch do virus A/H5N6 tại 23 tỉnh, thành phố và 25 ổ dịch do virus A/H5N8 tại 14 tỉnh). Tổng số gia cầm mắc bệnh, chết và tiêu hủy là 444.298 con, chiếm khoảng 0,086% tổng đàn gia cầm trên cả nước.

- Hiện nay, cả nước có 8 ổ dịch CGC tại 8 xã thuộc 6 huyện của 6 tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Phước chưa qua 21 ngày. Số gia cầm bị tiêu hủy là 34.688 con.

- So với năm 2020, số ổ dịch CGC tăng 1,42 lần; số gia cầm tiêu hủy tăng gần gấp 2 lần.

1.5.2. Nhận định tình hình dịch bệnh CGC

- Các ổ dịch CGC chủ yếu xảy ra tại hộ chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ, chưa được tiêm phòng vaccin CGC. Các địa phương đã phát hiện, xử lý kịp thời, không để lây lan diện rộng.

- Các ổ dịch CGC A/H5N6 (chiếm tỷ lệ 71%) xảy ra ở 23 tỉnh, thành phố. Từ giữa tháng 6/2021 phát hiện virus CGC A/H5N8 lần đầu tiên xâm nhiễm vào Việt Nam và đã lây lan nhanh trên 14 tỉnh, thành miền Bắc, miền Trung và chiếm 21% số ổ dịch, buộc tiêu hủy khoảng 40.000 con gia cầm; các ổ dịch do virus CGC A/H5N1 ít xảy ra (chiếm 8%) và chủ yếu phát hiện tại 5/6 tỉnh phía Nam.

- Thời gian tới nguy cơ dịch bệnh CGC độc lực

cao A/H5N1, A/H5N6 và A/H5N8 gia tăng là rất cao, do: (i) Tổng đàn gia cầm lớn, nhưng chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, nhiều đàn gia cầm chưa được tiêm phòng vaccin; (ii) Virus CGC lưu hành ở nhiều địa phương với tỷ lệ khá cao; (iii) Giao thương buôn bán, vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm trong nước tăng mạnh vào dịp Tết Nguyên đán; (iv) Tình trạng nhập lậu gia cầm, sản phẩm gia cầm còn xảy ra tại các tỉnh biên giới phía Bắc; (v) Thời tiết thay đổi làm giảm sức đề kháng của vật nuôi.

- Nguy cơ xuất hiện một số chủng virus CGC (A/H7N9, A/H5N2,...) xâm nhiễm vào Việt Nam thông qua hoạt động vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ gia cầm và sản phẩm gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, nhất là đối với các tỉnh biên giới phía Bắc.

1.5.3. Công tác phòng, chống dịch bệnh

- Các biện pháp phòng, chống bệnh CGC được thực hiện theo các văn bản của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh CGC, giai đoạn 2019 – 2025”; Công điện số 163/CD-TTg ngày 8/2/2021 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp kiểm soát phòng, chống bệnh CGC và các chủng virus cúm gia cầm lây sang người); văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Công điện số 170/CD-BNN-TY ngày 11/1/2021 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp kiểm soát, phòng, chống bệnh CGC lây lan diện rộng; Công điện số 4154/CD-BNN-TY ngày 2/7/2021 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp kiểm soát, phòng, chống bệnh CGC A/H5N8 và các chủng virus CGC thể độc lực cao khác lây lan diện rộng); văn bản của Cục Thú y (Công văn số 879/TY-DT ngày 28/5/2021 về việc chủ động triển khai các biện pháp ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm chủng virus CGC A/H5N8).

- Thực hiện Chương trình giám sát chủ động CGC tại các chợ buôn bán gia cầm sống do Dự án CDC của Hoa Kỳ tài trợ đã lấy mẫu liên tục hàng tháng (12 vòng) tại 103 chợ, điểm thu gom gia cầm thuộc 13 tỉnh triển khai Dự án với tổng số 4.144 mẫu (tương đương với 20.720 con gia cầm). Kết quả xét nghiệm có 1.566 mẫu gộp dương tính CGC type A (chiếm 37,79%), 129 mẫu dương tính với CGC A/H5 (chiếm 3,11%), 46 mẫu dương tính với CGC A/H5N1 (chiếm 0,02%), 58 mẫu dương tính với Cúm A/H5N6 (chiếm 1,39%),

3 mẫu dương tính CGC A/H5N8 (chiếm 0,07%).

- Cục Thú y đã gửi 2.745 mẫu virus CGC được thu thập vào các tháng cuối năm 2020 và đến tháng 9/2021 (từ các ổ dịch, chương trình giám sát tại hơn 30 tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước) đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) của Hoa Kỳ để phân tích chuyên sâu. Kết quả phân tích cho thấy: Virus CGC A/H5N1 thuộc nhánh (clade) 2.3.2.1c, A/H5N6 thuộc nhánh 2.3.4.4g và 2.3.4.4h và A/H5N8 thuộc nhánh 2.3.4.4b. Kết quả phân tích cũng cho thấy không có nhiều khác biệt về các nhánh virus CGC lưu hành trong năm 2020 – 2021 so với trong năm 2019 – 2020; chủng virus CGC A/H9N2 được phát hiện khá phổ biến, phát hiện ở khoảng 52% tổng số mẫu đã phân tích; không phát hiện mẫu dương tính với virus cúm A/H7N9 (chủng gây bệnh trên người ở Trung Quốc).

- Năm 2021, các doanh nghiệp đã sản xuất, nhập khẩu, cung ứng 567 triệu liều vaccin CGC (sản xuất trong nước khoảng 200 triệu liều), số lượng trong kho của các doanh nghiệp còn khoảng 100 triệu liều; dự kiến sản xuất, nhập khẩu quý I/ 2022 là 150 triệu liều, bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu cho công tác phòng bệnh, tiêm phòng bao vây chống dịch.

- Cục Thú y đã hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký nhập khẩu, kiểm nghiệm, khảo nghiệm 7 loại vaccin CGC mới và vaccin phòng chủng virus CGC A/H5N8.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành nhiều văn bản gửi Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia và các tỉnh biên giới, đồng thời họp với Bộ Công an đề nghị phối hợp chỉ đạo ngăn chặn tình trạng gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu.

- Thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh CGC, giai đoạn 2019 - 2025, trong năm 2021, Cục Thú y đã xây dựng 5 phóng sự để phát sóng trên kênh truyền hình Trung ương; Truyền thông trên báo chí 6 bài báo về công tác phòng, chống bệnh CGC; Xây dựng, in ấn và phân bổ 49.000 tờ rơi phòng, chống bệnh tới các cơ quan, đơn vị và người chăn nuôi trong cả nước.

1.6. Bệnh dại

1.6.1. Tình hình dịch bệnh

- Bệnh dại trên người: Năm 2021, có 49 người tử vong vì bệnh dại tại 27 tỉnh, giảm 20 trường hợp so với năm 2020.

- Bệnh đại trên động vật: Năm 2021, công tác giám sát trên chó nghi mắc bệnh đại đã được thực hiện tại 11 tỉnh, thành với 222 mẫu, trong đó có 78 mẫu dương tính, chiếm tỷ lệ 35.13%.

- Trong năm 2021, có trên 11.700 con chó thả rông, không xích nhốt, đeo rọ mõm được xử lý tại 22 tỉnh, thành phố.

1.6.2. Nhận định tình hình

Nguy cơ bệnh đại tiếp tục xuất hiện trong thời gian tới là cao do: (i) Công tác quản lý đàn chó của chính quyền một số địa phương còn chưa tốt, chính quyền địa phương chưa chỉ đạo đầy đủ các ban ngành phối hợp thực hiện, người nuôi chó không chấp hành việc đăng ký, nuôi nhốt chó, tình trạng chó thả rông phổ biến; (ii) Nhiều địa phương chưa thành lập đội bắt chó thả rông, xử lý động vật nghi mắc bệnh đại; (iii) Tỷ lệ tiêm phòng vacxin đại cho chó, mèo thấp hơn so với mục tiêu Chương trình đặt ra, số lượng chó được tiêm phòng chủ yếu theo kế hoạch hàng năm của địa phương, thấp hơn tổng đàn chó thực có (nhiều địa phương tỷ lệ tiêm vacxin đạt dưới 30%); (iv) Việc áp dụng các chế tài xử lý vi phạm quy định về quản lý chó nuôi, về tiêm phòng vacxin đại cho chó chưa được thực hiện nghiêm theo quy định; (v) Công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống bệnh đại còn hạn chế; (vi) Virus đại được phát hiện (ca tử vong trên người) và tồn tại khoảng 50% số địa phương (30 tỉnh, thành phố); (vii) Công tác giám sát phát hiện chó nghi mắc bệnh đại còn hạn chế tại một số địa phương; (viii) Hầu hết các địa phương chưa quan tâm tổ chức xây dựng cơ sở, vùng an toàn bệnh đại.

1.6.3. Công tác phòng, chống dịch bệnh

- Các biện pháp phòng, chống bệnh đại được thực hiện theo Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 về việc phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh đại, giai đoạn 2017 – 2021; các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Ngày 26/2/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Công văn số 1177/BNNT-TY đề nghị UBND các tỉnh, thành phố đề nghị quán triệt, tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả các nội dung năm cuối (năm 2021) của Chương trình quốc gia và Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng

thời tổng kết Chương trình giai đoạn 2017 – 2021, đề xuất nội dung Chương trình giai đoạn 2022 – 2030 bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Y tế: (i) Xây dựng dự thảo và ban hành Công văn số 7507/BNNT-TY, ngày 10/11/2021, về báo cáo tổng kết “Chương trình quốc gia khống chế, tiến tới loại trừ bệnh đại, giai đoạn 2017 – 2021” trình Thủ tướng Chính phủ; (ii) Xây dựng dự thảo và ban hành Tờ trình số 7508/TTr-BNN-TY về việc xin Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh đại, giai đoạn 2022 – 2030”.

- Thực hiện Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh đại, giai đoạn 2017 - 2021, trong năm 2021, Cục Thú y đã: xây dựng và phát sóng 5 phóng sự trên kênh truyền hình Trung ương; tuyên truyền trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) 5 phóng sự, 1 tọa đàm và 5 thông điệp về công tác phòng, chống bệnh Đại trên chó, mèo; xây dựng 49.500 tờ rơi phòng, chống bệnh đại phổ biến sâu rộng tới các cơ quan, đơn vị và người chăn nuôi trong cả nước.

1.7. Bệnh tai xanh trên lợn

- Từ đầu năm 2021 đến nay, cả nước không phát sinh dịch bệnh Tai xanh.

- Trong thời gian tới, có thể xuất hiện các ổ dịch nhỏ lẻ trên địa bàn có ổ dịch cũ và khu vực có nguy cơ cao.

- Biện pháp phòng bệnh hiệu quả là tổ chức tiêm phòng triệt để cho đàn lợn và áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh.

1.8. Các loại dịch bệnh thông thường khác ở gia súc, gia cầm

Các dịch bệnh thông thường khác trên gia súc, gia cầm như: Dịch tả lợn cổ điển, tụ huyết trùng, phó thương hàn, đóng dấu lợn, Newcastle, Gumboro,... được phát hiện và kiểm soát tốt, không gây thành dịch lớn. Hiện nay, đã có các loại vacxin để phòng những bệnh này có hiệu quả; nhiều loại vacxin được sản xuất trong nước.

Phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (nCoV) gây ra

- Cục Thú y có 6/8 phòng thử nghiệm đã xét nghiệm hơn 148.967 mẫu SARS-CoV-2, bao gồm: (i) 146.923 mẫu đơn, mẫu gộp của trên 1,2

triệu người tại hơn 20 tỉnh, thành phố, trong đó có 10.491 mẫu dương tính; (ii) 2.044 mẫu động vật (697 mẫu tầm soát SARS-CoV-2 trên bao bì thực phẩm nhập khẩu, sản phẩm động vật nhập khẩu và 1.347 mẫu động vật hoang dã), tất cả đều âm tính.

- Năng lực các phòng thử nghiệm của Cục Thú y có thể hỗ trợ ngành Y tế xét nghiệm virus SARS-CoV-2 (Covid-19) khoảng 7.600 mẫu/ngày bằng phương pháp Realtime RT-PCR (nếu gộp mẫu theo phương án 5 – 10 mẫu thì có thể xét nghiệm được khoảng 40.000 – 70.000 mẫu đơn/ngày).

- Hiện nay, nguyên liệu sẵn sàng và đủ để xét nghiệm được 55.500 mẫu (nếu gộp mẫu thì có thể đủ xét nghiệm được trên 250.000 – 500.000 mẫu).

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cụ thể, đồng thời tổ chức họp thống nhất, quán triệt bảo đảm sản xuất nông nghiệp; trong đó có các văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ thú y trong bối cảnh Covid-19: Công văn số 5349/BNN-TY ngày 23/8/2021 về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; Công văn số 4884/BNN-TY ngày 03/8/2021 về kiểm soát giết mổ; Công văn số 1326/TY-QLT ngày 10/8/2021 của Cục Thú y; Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 6477/CT-BNN-TY ngày 08/10/2021 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm các tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

1.9. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

1.9.1. Tình hình xây dựng cơ sở, vùng ATDB

- Từ đầu năm 2021 đến nay, Cục Thú y và Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận ATDB cho 76 cơ sở, vùng, bao gồm: 48 cơ sở do địa phương cấp và 28 vùng, cơ sở do Cục Thú y cấp (9 huyện an toàn đối với bệnh CGC, Newcastle, LMLM và dịch tả lợn cổ điển).

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, cả nước có 2.306 cơ sở, vùng chăn nuôi tại 54 tỉnh, thành phố được chứng nhận an toàn dịch bệnh, bao gồm: 985 cơ sở, vùng chăn nuôi gia cầm; 1.148 cơ sở, vùng chăn nuôi lợn và 173 cơ sở, vùng chăn nuôi gia súc khác.

1.9.2. Dự án vùng ATDB theo tiêu chuẩn của OIE hướng tới xuất khẩu

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa

phương liên quan xây dựng và hoàn thiện dự thảo Dự án “Tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người” với nội dung chính: (i) xây dựng vùng ATDB trên gia cầm (bệnh CGC và Newcastle); (ii) xây dựng vùng ATDB trên gia súc (bệnh LMLM, DTLCD, Tai xanh, DTLCP).

1.10. Khó khăn, tồn tại, bất cập trong phòng, chống dịch bệnh

- Tổng đàn vật nuôi của cả nước lớn, trong khi đó phần lớn được nuôi theo hình thức truyền thống, manh mún, nông hộ, không bảo đảm an toàn sinh học, thường trực nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Công tác thú y tại một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự được các cấp chính quyền quan tâm hỗ trợ, chưa chủ động lập kế hoạch và chưa bố trí đủ kinh phí triển khai phòng chống dịch bệnh có hiệu quả.

- Chậm hỗ trợ kinh phí cho người chăn nuôi có gia súc, gia cầm buộc phải tiêu hủy và chưa bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh; mức thù lao cho người tham gia phòng, chống dịch bệnh thấp hơn so với ngày công thực tế, do vậy, việc huy động các lực lượng tham gia phòng, chống dịch bệnh gặp nhiều khó khăn, nhất là trong thời gian kéo dài; nguồn kinh phí dự phòng của địa phương không đủ để chi trả cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh; chưa, chậm hoặc chưa bố trí đủ kinh phí cho công tác tiêm vacxin cho đàn vật nuôi (nhất là vacxin phòng bệnh VDNC).

- Công tác chủ động giám sát phát hiện, báo cáo và công bố dịch bệnh chưa kịp thời, chính quyền và các cơ quan chuyên môn còn chủ quan, lơ là, không nắm rõ thông tin dịch bệnh, người dân bán chạy động vật mắc bệnh làm lây lan dịch bệnh.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y của một số tổ chức, cá nhân còn chưa cao, chưa tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, biện pháp phòng bệnh bằng vacxin.

- Xây dựng vùng, cơ sở ATDB tại nhiều địa phương chưa được chú trọng.

- Quản lý vận chuyển chưa tốt, chưa đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh; điều kiện cơ sở vật chất của hệ thống các trạm kiểm dịch đầu mối giao thông chưa đáp ứng yêu cầu, hầu hết các trạm không có nơi

xét nghiệm, không có thiết bị để thực hiện các xét nghiệm nhanh; không có khu vực nổi nhốt cách ly động vật và nơi lưu giữ sản phẩm động vật...

II. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH TRÊN THỦY SẢN

2.1. Chỉ đạo, điều hành trong phòng, chống dịch bệnh thủy sản

- Tổ chức xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành 3 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

- Tổ chức 5 hội nghị, hội thảo quốc gia để quán triệt, chỉ đạo tổ chức triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

- Năm 2021, đã có 31/63 tỉnh, thành phố có kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản; trong đó có 17 tỉnh, thành phố bố trí gần 84,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, có 4 tỉnh không bố trí riêng kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản. Số lượng các địa phương, nhất là các địa phương trọng điểm về nuôi tôm có kế hoạch và có bố trí kinh phí còn rất thấp, không đủ để triển khai công tác phòng chống dịch bệnh đặc biệt là hoạt động giám sát chủ động đã và đang phát huy hiệu quả trong nhiều năm qua.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã bố trí 2,5 tỷ để triển khai công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản năm 2021.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai các Dự án: “Hỗ trợ kỹ thuật giảm thiểu rủi ro kháng kháng sinh (AMR) trong nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam” do FAO tài trợ; Dự án tăng cường năng lực kiểm soát dịch bệnh do TiLV trên cá rô phi do FAO tài trợ; Đề tài nghiên cứu dịch tễ học về bệnh do DIV1 trên tôm tại Việt Nam (Trung tâm CĐTĐYTĐ).

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý hiện tượng thủy sản chết bất thường tại các tỉnh (cua tại Cà Mau, cá chết tại Thanh Hóa,...).

- Tham gia các hội nghị, hội thảo trực tuyến về công tác thú y thủy sản do OIE/ NACA tổ chức; tham

gia các lớp tập huấn trực tuyến do FAO tổ chức về phòng chống dịch bệnh thủy sản, kháng kháng sinh...

2.2. Tình hình thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản

Năm 2021 (tính đến 3/12/2021), tổng diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại (bao gồm cả nguyên nhân do dịch bệnh) là hơn 20.469 ha, giảm 55% so với cùng kỳ năm 2020 (có tổng diện tích bị thiệt hại là 45.548 ha); ngoài ra có khoảng 1.303 lồng, bè, vèo, bể nuôi thủy sản cũng bị thiệt hại, cụ thể:

- Thiệt hại trên tôm nuôi: Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ bị thiệt hại là 19.548 ha (bao gồm cả nguyên nhân do dịch bệnh); chiếm 95,5% trong tổng diện tích thủy sản nuôi bị thiệt hại; giảm 54,3% so với cùng kỳ năm 2020 (có tổng diện tích tôm nuôi bị thiệt hại là 42.739 ha) và chiếm 2,9 % tổng diện tích nuôi tôm của cả nước (số liệu diện tích thả nuôi cập nhật đến ngày 22/10/2021 của Tổng cục Thủy sản là 674.201 ha), trong đó:

+ Thiệt hại do dịch bệnh là 4.737 ha (chiếm 24,2% trong tổng diện tích tôm bị thiệt hại).

+ Thiệt hại nhưng không xác định được nguyên nhân là 11.919 ha (chiếm 61% trong diện tích tôm bị thiệt hại; giảm 63,5% so với năm 2020).

+ Thiệt hại do biến đổi môi trường, thời tiết là 2.892 ha (chiếm 14,8% trong diện tích tôm bị thiệt hại, giảm 13% so với năm 2020).

Diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh bị thiệt hại là 6.878 ha, quảng canh, quảng canh cải tiến là 12.052 ha, còn lại là tôm lúa và các hình thức nuôi khác là 618 ha.

- Thiệt hại trên cá tra: diện tích là 490 ha, chiếm 11,6% tổng diện tích nuôi cá tra của cả nước; chủ yếu do cá bị mắc một số bệnh thông thường như bệnh xuất huyết và bệnh ký sinh trùng.

- Thiệt hại trên các loài thủy sản khác: chủ yếu là diện tích nuôi nghêu/ngao, tôm càng xanh và một số loài thủy sản nước ngọt khác.

2.3. Tình hình dịch bệnh trên tôm nuôi nước lợ

2.3.1. Bệnh hoại tử gan tụy cấp

Trong năm 2021, bệnh xảy ra tại 152 xã của 47 huyện, thị xã thuộc 18 tỉnh, thành phố. Tổng diện tích tôm bị bệnh là 2.103 ha, trong đó:

- Diện tích tôm sú bị bệnh là 536 ha; tôm thẻ bị bệnh là 1.568 ha. Tôm bệnh có độ tuổi từ 12-120 ngày sau thả.

- Diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh bị bệnh là 1.878 ha, quảng canh, quảng canh cải tiến và tôm lúa là 225 ha.

- Tỉnh Sóc Trăng có diện tích bị bệnh lớn nhất (chiếm 28,4% tổng diện tích bị bệnh của các tỉnh), sau đó đến các địa phương khác.

- So với năm 2020, bệnh xảy ra ở phạm vi hẹp hơn 1,3% và diện tích có tôm mắc bệnh giảm 23,6%.

Bảng 1. Tổng hợp dịch bệnh hoại tử gan tụy cấp năm 2021

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	Năm 2020	Năm 2021
Số tỉnh có dịch	18	18
Số huyện có dịch	54	47
Số xã có dịch	154	152
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	2.754	2.103

2.3.2. Bệnh đốm trắng

Trong năm 2021, bệnh xảy ra tại 151 xã của 48 huyện, thị xã thuộc 17 tỉnh, thành phố. Tổng diện tích thiệt hại do bệnh là 1.799 ha, trong đó: Diện tích nuôi tôm sú bị bệnh là 566 ha; tôm thẻ bị bệnh là 1.233 ha. Tôm bệnh có độ tuổi từ 10-100 ngày sau thả. Diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh bị bệnh là 1.445 ha; quảng canh, quảng canh cải tiến và tôm lúa là 355 ha. Hải Phòng có diện tích bị bệnh lớn nhất (461,55 ha); chiếm 25,6% tổng diện tích bị bệnh của các tỉnh, sau đó đến các địa phương khác.

Bảng 2. Tổng hợp dịch bệnh đốm trắng năm 2021

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	Năm 2020	Năm 2021
Số tỉnh có dịch	22	17
Số huyện có dịch	68	48
Số xã có dịch	206	151
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	2.629	1.799

- So với năm 2020, bệnh xảy ra ở phạm vi hẹp hơn 26,7% và diện tích có tôm mắc bệnh giảm 31,6%.

2.3.3. Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (IHHND)

Trong năm 2021, bệnh xảy ra tại 8 xã của 3 huyện, thị xã thuộc 2 tỉnh Bến Tre và Sóc Trăng, với tổng diện tích có tôm nuôi bị bệnh là 25,86 ha.

Bảng 3. Tổng hợp dịch bệnh IHHND năm 2021

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	Năm 2020	Năm 2021
Số tỉnh có dịch	5	2
Số huyện có dịch	7	3
Số xã có dịch	19	8
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	383,80	25,86

So với cùng kỳ năm 2020, bệnh xảy ra ở phạm vi hẹp hơn 57,9% và diện tích có tôm mắc bệnh giảm mạnh (93%).

2.3.4. Một số bệnh thông thường khác

- *Đỏ thân*: 400,7 ha tôm tại Trà Vinh, Bạc Liêu và Cà Mau.

- *Phân trắng*: 374 ha tôm bị bệnh tại Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

- *Đường ruột*: 111 ha tôm bị bệnh tại Trà Vinh.

- *Chậm lớn do còi và EHP*: 93,3 ha tôm bị bệnh tại Hải Phòng, Ninh Thuận và Sóc Trăng.

2.3.5. Không rõ nguyên nhân

Tổng số 11.919 ha tôm nuôi tại các tỉnh bị thiệt hại nhưng không xác định được nguyên nhân do các địa phương không lấy mẫu hoặc có lấy mẫu nhưng chưa có kết quả xét nghiệm, trong đó tại Nghệ An (3,36 ha), Bình Thuận (50,5 ha), Long An (40 ha), Tiền Giang (0,9 ha), Trà Vinh (3,9 ha) và Cà Mau (11.820 ha, chủ yếu là diện tích nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến).

2.3.6. Do biến động môi trường

Tổng số 2.892 ha thiệt hại do môi trường tại các tỉnh: Thừa Thiên-Huế (31,8 ha), Quảng Nam (113 ha), Long An (140 ha), Kiên Giang (152 ha), Trà Vinh (210 ha), Sóc Trăng (2.054 ha) và Bạc Liêu (192 ha).

2.3.7. Nhận định tình hình dịch bệnh trên tôm

Năm 2021, diện tích có tôm mắc bệnh giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2020. Diện tích tôm nuôi bị thiệt hại cũng giảm hơn 50% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó hơn 61% diện tích thiệt hại nhưng không rõ nguyên nhân.

Trong năm 2021, một số loại mầm bệnh nguy hiểm (AHPND, WSD, IHHND, EHP trên tôm, bệnh gan thận mủ trên cá tra) vẫn lưu hành ở nhiều vùng nuôi, kết hợp các yếu tố nhiệt độ, độ mặn tăng cao, biến đổi môi trường nhanh, mạnh, cực đoan,... tác động đến sức khỏe tôm, làm cho tôm chậm lớn (không lột xác), kém phát triển, sức đề kháng yếu; đồng thời điều kiện môi trường biến đổi tiêu cực lại tạo thuận lợi cho mầm bệnh phát triển. Do đó, trong năm 2022, cần có giải pháp đồng bộ để khắc phục, cải thiện điều kiện hạ tầng vùng nuôi, quản lý mùa vụ nuôi, có ao lắng để trữ nước sử dụng khi cần thiết, chỉ thả giống khi bảo đảm điều kiện nuôi, nghiên cứu điều chỉnh quy trình nuôi phù hợp, xử lý nước thải, chất thải theo quy định; thực hiện quan trắc môi trường, tổ chức lấy mẫu đối với những diện tích bị thiệt hại để xác định nguyên nhân, thực hiện kế hoạch giám sát chủ động để dự báo, cảnh báo và áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng, chống dịch bệnh.

2.4. Tình hình dịch bệnh trên cá tra

Trong năm 2021, bệnh gan thận mủ trên cá tra xảy ra tại 18 xã của 11 huyện thuộc 2 tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Tổng diện tích cá tra bị bệnh là 44,1 ha, chiếm 1,04% tổng diện tích nuôi (tính đến 30/10/2021, diện tích thả nuôi cá tra là 4.217 ha). So với năm 2020, bệnh gan thận mủ trên cá tra giảm 14,3% về phạm vi và 88% về diện tích. Ngoài ra còn một số bệnh khác, cụ thể:

- Bệnh xuất huyết: 376 ha nuôi tại An Giang và Đồng Tháp;

- Bệnh ký sinh trùng: 68 ha nuôi tại An Giang và Đồng Tháp và một diện tích nhỏ cá tra bị trắng gan, trắng mang, thối đuôi, phù đầu.

2.5. Tình hình thiệt hại trên các loài thủy sản khác

- **Cá điêu hồng:** 265 bè, vèo và 11,5 ha tại Hậu Giang, An Giang và Đồng Tháp bị xuất huyết, ký sinh trùng và thối mang.

- **Cá chim vây vàng:** 32 lồng cá nuôi tại Bình Thuận bị lở loét.

- **Cá mú:** 3.550 con/17 hộ nuôi tại Kiên Giang bị thiệt hại do VNN và 107 lồng cá nuôi tại Phú Yên có hiện tượng cá bị lở loét.

- **Cá thát lát:** 78 vèo tại An Giang và Đồng Tháp bị xuất huyết.

- **Cá nước ngọt truyền thống:** 49 ha cá nuôi quảng canh tại Bình Thuận có hiện tượng cá chết nhưng không rõ nguyên nhân và 47 ha tại Hưng Yên bị một số bệnh do vi khuẩn và ký sinh trùng.

- **Ếch:** 14 bể và 699 vèo tại Đồng Tháp bị xuất huyết, chướng hơi, bệnh đường ruột.

- **Lươn:** 22 bể tại Đồng Tháp bị xuất huyết.

- **Cua biển:** cua biển nuôi tại Cà Mau bị chết, gây yếu do bị nhiễm ký sinh trùng giáp xác chân tơ với cường độ cao.

2.6. Khó khăn, tồn tại, bất cập trong công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản

- Dịch bệnh Covid - 19 và giãn cách xã hội từ tháng 5/2021 đến nay tại các tỉnh phía Nam (vùng nuôi tôm, cá tra chủ yếu của cả nước) làm cho các hoạt động phòng chống dịch bệnh thủy sản bị ảnh hưởng, cụ thể: giám sát chủ động; kiểm tra, hướng dẫn công tác xây dựng cơ sở ATDB, công tác kiểm tra, chỉ đạo phòng chống dịch bệnh

- Nhiều địa phương trọng điểm về nuôi trồng thủy sản không bố trí kinh phí hoặc bố trí không đủ kinh phí cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh thủy sản, đặc biệt là giám sát chủ động, tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm xác định nguyên nhân gây thiệt hại tại một số vùng nuôi tôm.

Bảng 4. Tổng hợp tình hình bệnh gan thận mủ trên cá tra năm 2021

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	Năm 2020	Năm 2021
Số tỉnh có dịch	1	2
Số huyện có dịch	6	11
Số xã có dịch	21	18
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	370,63	44,10

- Công tác xây dựng cơ sở ATDB đối với các cơ sở sản xuất động vật thủy sản sử dụng làm giống (đặc biệt là cơ sở giống tôm nước lợ) chưa được địa phương và cơ sở nuôi quan tâm đúng mức; số lượng cơ sở giống có giám sát dịch bệnh và đạt điều kiện cơ sở ATDB vẫn chưa nhiều.

- Hệ thống thú y thủy sản chưa đồng bộ (còn một số tỉnh như An Giang, Hà Nội vẫn chưa chuyển giao công tác thú y thủy sản cho ngành

thú y quản lý), hệ thống mỏng do nhiều cán bộ thú y trên cạn phải làm kiêm nhiệm, số lượng cán bộ chuyên trách về công tác thú y thủy sản còn thiếu.

2.7. Tổ chức thực hiện phòng, chống dịch bệnh

2.7.1. Giám sát, cảnh báo dịch bệnh

- Tổ chức giám sát dịch bệnh trên tôm giống tại tỉnh Phú Yên và Bình Định; tôm thương phẩm tại tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Huế, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang. Kết quả như sau:

Bảng 5. Tổng hợp xét nghiệm bệnh thủy sản năm 2021

Bệnh	Số tỉnh giám sát	Số mẫu xét nghiệm	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ dương tính (%)
I. Bệnh trên tôm				
WSD	30	13.913	758	5,4
AHPND	29	11.770	463	4
IHHNV	26	8.315	167	2
EHP	27	2.701	320	11,8
Bệnh còi (MBV)	10	66	10	22
HPV, TSV, IMNV, YHV, DIV1		38; 1.593; 1.405; 5.934; 623	0	
Bệnh sứa tôm hùm	2	332	103	31
II. Bệnh trên cá				
Gan thận mũ	17	499	88	17,7
Bệnh xuất huyết (<i>Aeromonas</i> sp.), nhiễm khuẩn do <i>Streptococcus</i>	30	2.097	394	19
TiLV	18	560	3	1,25
VNN	8	142	16	11,3
SVC	7	525	26	5
III. Bệnh trên nhuyễn thể				
<i>Perkinsus</i> sp.	8	749	42	5,6

+ *Giám sát tôm thương phẩm*: tổ chức triển khai 5 vòng thu mẫu, thu 1.187 mẫu để xét nghiệm các bệnh AHPND, WSD, EHP, IHHN, DIV 1 HYD tại các tỉnh: Nghệ An, Quảng Bình, Huế, Bạc Liêu, Kiên Giang và Sóc Trăng (trong đó tại các tỉnh miền Trung chỉ xét nghiệm AHPND và WSD). Kết quả cụ thể như sau: Tại khu vực phía Nam: Đối với bệnh AHPND: 47/378 mẫu dương tính (12,43%, xét nghiệm với mẫu tôm và môi trường), cụ thể: có 27/189 mẫu môi trường (14,29%) dương tính, có

20/189 mẫu tôm (10,58%) dương tính. Đối với bệnh EHP: có 43/189 mẫu tôm (22,75,46%) dương tính; Đối với bệnh IHHN: 2/189 mẫu tôm (1,1%) dương tính; Đối với các bệnh còn lại đều âm tính. Tại khu vực miền Trung: Đối với bệnh AHPND: Có 08/269 mẫu nước (2,97%) dương tính, 16/270 mẫu tôm (5,92%) dương tính; Đối với bệnh WSD: có 2/270 mẫu tôm (0,74%), 100% mẫu giáp xác (270 mẫu) âm tính với tác nhân gây bệnh (các bệnh khác không tổ chức giám sát tại khu vực này).

+ *Giám sát tôm giống*: tổ chức triển khai 5 vòng (tại Phú Yên và Bình Định; riêng các tỉnh thuộc vùng VI phụ trách không triển khai được do dịch bệnh Covid), thu 140 mẫu để xét nghiệm các bệnh AHPND, WSD, HYD, IHHNV. Kết quả, 100% mẫu đều âm tính với các tác nhân gây bệnh được giám sát. Ngoài ra, các cơ sở được giám sát có đề xuất xét nghiệm thêm các bệnh IMNV, TSV, EHP và NHP-B kết quả cũng âm tính 100%.

- Giám sát dịch bệnh để cảnh báo và phục vụ công tác kiểm dịch: Cục Thú y và các địa phương đã tổ chức xét nghiệm 18.502 mẫu tôm, 2.034 mẫu cá đối với một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi.

2.7.2. Xây dựng vùng, chuỗi cơ sở sản xuất tôm an toàn dịch bệnh

- Ngày 05/01/2021, tổ chức họp với đại diện lãnh đạo Tập đoàn Việt Úc và ban hành Công văn số 07/TY-TS đồng ý tiếp tục hỗ trợ Tập đoàn Việt Úc xây dựng chuỗi sản xuất tôm an toàn dịch bệnh (theo đề nghị của Tập đoàn Việt Úc tại Công văn số VUHQ/CVĐ03/2020 ngày 07/12/2020). Hiện nay Tập đoàn Việt Úc đã có thêm 1 cơ sở sản xuất tôm giống tại Bình Định được Chi cục CN&TY Bình Định đánh giá chứng nhận an toàn dịch bệnh, nâng tổng số cơ sở của Tập đoàn lên thành 03 cơ sở được chứng nhận. Cục Thú y tiếp tục hỗ trợ Tập đoàn Việt Úc trong việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh tại các địa phương khác.

- Cục Thú y đang phối hợp với phía Úc và Công ty cổ phần Sài Gòn Cá Kiêng để xúc tiến các thủ tục hỗ trợ việc xuất khẩu cá cảnh đi Úc theo đề nghị của Công ty.

- Cục Thú y tiếp tục hỗ trợ một số cơ sở khác xây dựng an toàn dịch bệnh trên tôm giống và tôm nuôi thương phẩm như: Công ty cổ phần thực phẩm Trung Sơn, Công ty TNHH thủy sản Đắc Lộc.

- Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các địa phương có kế hoạch cụ thể thực hiện xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT và các văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.8. Hỗ trợ xuất khẩu thủy sản và sản phẩm thủy sản

2.8.1. Hỗ trợ xuất khẩu tôm sú bố mẹ đi Thái Lan

Cục Thú y có công văn số 1046/TY-TS cung cấp thông tin, tài liệu kỹ thuật cho Công ty TNHH Moana Ninh Thuận để cung cấp cho phía Thái Lan và phục vụ công tác thanh tra trực tuyến của cơ quan thẩm quyền Thái Lan đối với hoạt động xuất khẩu tôm bố mẹ sang Thái Lan.

2.8.2. Hỗ trợ xuất khẩu đi Hàn Quốc

Phối hợp với Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đàm phán với phía Hàn Quốc giảm các điều kiện kiểm dịch thủy sản xuất khẩu của Việt Nam và đề xuất Bộ điều chỉnh các quy định kiểm soát dịch bệnh thủy sản xuất khẩu phù hợp với yêu cầu của phía bạn (theo Quyết định số 2959/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/7/2021).

2.8.3. Hỗ trợ xuất khẩu cá cảnh đi thị trường Úc

- Trên cơ sở đề nghị của Công ty Sài Gòn Cá Kiêng về việc hỗ trợ các thủ tục cần thiết để Công ty có thể xuất khẩu cá cảnh vào Úc, Cục Thú y đã chủ động liên hệ với Đại sứ quán Úc tại Việt Nam và Cơ quan thẩm quyền của Úc đề nghị mở cửa thị trường xuất khẩu cho cá cảnh Việt Nam. Ngày 20/8/2021, Cơ quan thẩm quyền Úc đã có văn bản trả lời, theo đó phía Úc sẽ thực hiện đánh giá “Hệ thống kiểm soát dịch bệnh trên cá cảnh của Việt Nam”.

- Để chuẩn bị cho việc đánh giá, ngày 21/10/2021, Cục Thú y đã có công văn 1068/TY-TS đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT Tp Hồ Chí Minh, Chi cục Thú y vùng VI và Công ty Sài Gòn Cá Kiêng triển khai các hoạt động liên quan.

2.8.4. Hỗ trợ xuất khẩu thủy sản đi Indonesia

Phối hợp với Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản để đàm phán, thống nhất kỹ thuật với Cơ quan Kiểm tra và Kiểm dịch Thủy sản Indonesia (FQIA) thuộc Bộ Hải dương và Thủy sản Indonesia về các quy định mới về kiểm soát dịch bệnh thủy sản và mẫu Giấy chứng nhận cấp cho lô hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu vào Indonesia áp dụng từ ngày 10/9/2021 (theo văn bản số 2691/BKIPM/VIII/2021 ngày 31/8/2021 của phía Indonesia). Kết quả phía Indonesia đã chấp thuận bỏ yêu cầu kiểm dịch nhiều bệnh trên tôm và cá của Việt Nam khi xuất khẩu vào Indonesia ./.

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY MỘT BÀI BÁO KHOA HỌC, GỬI BÀI VÀ LỆ PHÍ

I. TRÌNH BÀY BÀI BÁO KHOA HỌC (Khổ: A4, cỡ chữ: 12, font chữ: Time New Roman. Tổng số trang của bài báo không vượt quá 10 trang).

1. Tên bài tiếng Việt và tiếng Anh (Title)

- Tên bài nói lên nội dung chính của nghiên cứu, vấn đề muốn giải quyết (khoảng 20 từ).
- Sau tên bài là tên tác giả, đơn vị công tác, email và địa chỉ nhận Tạp chí biểu (trường hợp nhiều tác giả thì ghi tác giả chính trước, sau đó là các đồng tác giả (không quá 6 tên tác giả, nếu quá số đó ghi thêm là “cs”). Đánh dấu số thứ tự bên cạnh tên tác giả để ghi chú đơn vị công tác).

2. Tóm tắt (Summary)

Nêu ngắn gọn (khoảng 150 - 250 từ), tóm tắt nội dung chính của bài báo, thể hiện bao gồm mục đích, phương pháp và kết quả chính của bài báo. Tóm tắt có 2 phần: bằng tiếng Việt và tiếng Anh, dưới có ghi từ khóa (keywords) là những từ quan trọng nói lên được nội dung chính của nghiên cứu và đặc trưng chủ đề của bài báo. Từ khóa không quá dài, khoảng 5 - 7 từ.

3. Mở đầu hoặc Đặt vấn đề (Introduction)

Lý do thực hiện nghiên cứu: xuất phát từ tình hình thực tế, vấn đề đang xảy ra, vấn đề đang tồn tại, vấn đề đã và đang được quan tâm, yêu cầu cần thiết phải được làm rõ, yêu cầu từ thực tiễn sản xuất, thông tin từ các nước khác qua tài liệu, những kiến thức nào đã có trước, những tác giả đã và đang làm về vấn đề này vv...

4. Nội dung, nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu (Contents, Materials and Methods)

4.1. Nội dung nghiên cứu

- Có bao nhiêu nội dung cần nghiên cứu (1, 2, 3, 4 vv...), có tiêu đề của từng nội dung phục vụ cho chủ đề nghiên cứu, phải sắp xếp nội dung nghiên cứu theo logic để dẫn đến kết quả mong muốn của đề tài nghiên cứu.
- Trong nội dung chính có thể có thêm những nội dung phụ.

4.2. Nguyên liệu

- Đối tượng, địa điểm, thời gian và phạm vi nghiên cứu.
- Các nguyên vật liệu, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, môi trường, hóa chất, động vật thí nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Nếu sử dụng các phương pháp chuẩn đã được ban hành, cần ghi rõ ký hiệu phương pháp, ví dụ theo TCVN, ISO hoặc AOAC.... Trong trường hợp tự xây dựng thí nghiệm cần phải mô tả chi tiết, thiết lập bảng biểu và các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá vv...

5. Kết quả và thảo luận (Results and Discussion)

- Mục này trình bày những kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu theo từng nội dung. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị hình vẽ, hình ảnh v.v... nên tập trung phân tích những điểm có thể chưa rõ, những sự giống hoặc khác biệt với kết quả của các tác giả khác trong và ngoài nước hoặc kết quả không như kỳ vọng. Có thể phân tích những lý do nào đã dẫn đến những kết quả đạt được như kỳ vọng hoặc ngược lại vv...
- Diễn giải phân tích kết quả, những ưu điểm và hạn chế, tách bạch rõ ràng dữ liệu và suy luận.

- Mỗi liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó. Chứng minh sự đóng góp của tác giả bổ sung cho lý thuyết và kiến thức, hay điều chỉnh những sai sót của các đề tài nghiên cứu trước đó, hoặc là kết quả đóng góp cho thực tiễn giải quyết được vấn đề đặt ra, hoặc là đưa vào sản xuất diện hẹp, hoặc là chuyển giao công nghệ cho nhà sản xuất vv...

6. Kết luận (Conclusion)

- Kết luận cần rút ra được gì qua kết quả nghiên cứu và biểu thị bằng số liệu định lượng.
- Kết luận chỉ thể hiện kết quả nghiên cứu của tác giả theo nội dung nghiên cứu.
- Kết luận không viết theo kiểu giải thích, hoặc lặp lại như phần giới thiệu.
- Kết luận cần ngắn gọn, rõ ràng.

7. Tài liệu tham khảo (Reference)

- Cần viết một số tài liệu tham khảo chính trong và ngoài nước về cùng chủ đề (không quá 10 tài liệu). Ghi rõ tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nguồn tài liệu (tập, số, trang).

II. GỬI BÀI

- Bản thảo là bản điện tử (file mềm) gửi về tòa soạn theo địa chỉ Email: **tckhktthuy@gmail.com** hoặc website: **hoithuyvietnam.org.vn** (mục **Liên hệ**)

- Sau khi xuất bản, tác giả chính trong bài sẽ nhận được 1 quyền miễn phí, gửi về tận nơi theo đường bưu điện.

III. LỆ PHÍ

Lệ phí phản biện, đăng bài: **500.000 đ/bài** gửi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y: Số 86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Số tài khoản: **1300 201 220 282**. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long ./.

MẪU PHIẾU ĐẶT MUA TẠP CHÍ KHKT THÚ Y NĂM 2022

Tên người/đơn vị đặt mua:.....Số ĐT:.....

Địa chỉ (ghi cụ thể để gửi Tạp chí):

Đặt mua: Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y năm 2022 (1 năm 8 số)

Số lượng mỗi số:.....quyển x 8 số =quyển

Giá đơn vị: 35.000đ/quyển

Thành tiền: 35.000đ xquyển =đ

(Ghi bằng chữ:.....)

Tiền đặt mua xin gửi tiền mặt qua bưu điện hoặc chuyển khoản về:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y

86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Tài khoản: **1.300 201 220 282**

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long

Ngày / /2022

Người đặt mua
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Phiếu đặt mua có thể gửi theo bưu điện hoặc qua Email: **tckhktthuy@gmail.com**

- Tòa soạn sẽ gửi tới độc giả đúng số lượng vào địa chỉ như đã đăng ký ở trên theo đường bưu điện.